TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Đồng Thị Thường

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Mai Tuyết N; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh và chị Mai Tuyết N kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh ở xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai

bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng nặng nề, không có hạnh phúc. Bản thân anh đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng hai bên không cải thiện được mà lại nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hai bên không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn tiếp tục chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Tuyết N.

Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N có hai con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 và Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016. Từ khi hai bên sống ly thân anh và chị N mỗi người nuôi một con chung. Ly hôn anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung Nguyễn Mai Bích T cho anh nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thiên M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa chị Mai Tuyết N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn tại UBND xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể khắc phục đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu T có hai con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 và Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016. Chị có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiên M còn để anh T nuôi con chung Nguyễn Mai Bích T. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T tự giải quyết.

Về tài sản: Chị Mai Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81,

82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Mai Tuyết N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 cho chị Mai Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T và bị đơn chị Mai Tuyết N: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị N đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu T, chị Mai Tuyết N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời trình bày của anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, dẫn đến va chạm bất hòa. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trường và chị Nhung đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ vợ chồng và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Trường và chị Nhung là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Mai Tuyết N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N có 02 con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 và Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016. Hai bên ly hôn, anh T và chị N có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 cho chị Mai Tuyết N nuôi dưỡng sau ly hôn. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào điều

kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Mai Bích T cho anh Nguyễn Hữu T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thiên M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Mai Tuyết N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai Bích T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2009 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thiên M, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 cho chị Mai Tuyết N nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hai bên tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh Trường đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004375 ngày 24 tháng 7 năm 2019) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Hữu T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Tuyết N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Lê Thiện (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế